

**BAN CHỈ ĐẠO CẢI CÁCH
HÀNH CHÍNH CỦA CHÍNH PHỦ**

BÁO CÁO TÓM TẮT

**Kết quả Chỉ số cải cách hành chính năm 2020 của các bộ, cơ quan
ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
(PAR INDEX 2020)**

*(Tài liệu Hội nghị trực tuyến công bố
Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính năm 2020
và Chỉ số cải cách hành chính năm 2020)*

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Công tác tự đánh giá và thẩm định

Triển khai Kế hoạch xác định Chỉ số cải cách hành chính (CCHC) năm 2020; sau khi có ý kiến đồng ý của Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ, Bộ Nội vụ đã phê duyệt Đề án xác định Chỉ số CCHC của các bộ, cơ quan ngang bộ (gọi tắt là bộ), UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi tắt là tỉnh) tại Quyết định số 1149/QĐ-BNV ngày 30/12/2020.

Sau khi ban hành Quyết định số 1149/QĐ-BNV, tháng 01/2021, Bộ Nội vụ đã ban hành các văn bản hướng dẫn tự đánh giá, chấm điểm¹; tổ chức các hội nghị tập huấn nghiệp vụ cho các bộ, tỉnh để triển khai thực hiện. Trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Nội vụ, từ ngày 28/01 đến ngày 26/02, các bộ, tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị tiến hành rà soát các tài liệu kiểm chứng, số liệu thống kê và đối chiếu với các yêu cầu, tiêu chuẩn để thực hiện đánh giá, tự chấm điểm đối với các tiêu chí, tiêu chí thành phần. Tính đến ngày 26/02/2021, có 19/19 bộ và 63/63 tỉnh, thành phố đã hoàn thành các hoạt động tự đánh giá, chấm điểm; phê duyệt báo cáo; nhập dữ liệu kết quả và gửi về Bộ Nội vụ thông qua phần mềm Quản lý chấm điểm Chỉ số CCHC, đảm bảo đúng tiến độ đề ra theo Kế hoạch. Nhìn chung chất lượng tự đánh giá, chấm điểm của các bộ, tỉnh có nhiều tiến bộ; công tác rà soát, đánh giá, tự chấm điểm trên phần mềm ngày càng thuận tiện và chuyên nghiệp; hầu hết các bộ, tỉnh đã thực hiện đúng hướng dẫn của Bộ Nội vụ.

- Để triển khai các hoạt động thẩm định kết quả Chỉ số CCHC năm 2020; căn cứ vào Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định (HĐTĐ)² và Quy chế làm việc của HĐTĐ³, Bộ Nội vụ đã ban hành Công văn số 887/BNV-CCHC ngày 05/3/2021 về việc phân công nhiệm vụ thẩm định kết quả Chỉ số CCHC năm 2020 cho các thành viên HĐTĐ và Tổ thư ký giúp việc HĐTĐ. Theo đó, thành viên tại các bộ, cơ quan sẽ tổ chức triển khai các hoạt động thẩm định đối với những lĩnh vực, tiêu chí liên quan đến nhiệm vụ CCHC do đơn vị mình chủ trì triển khai.

¹ Tại các Công văn số 383/BNV-CCHC, số 384/BNV-CCHC ngày 28/01/2021.

² Hội đồng thẩm định và Tổ thư ký giúp việc Hội đồng thẩm định kết quả Chỉ số CCHC các bộ, tỉnh được thành lập tại Quyết định số 123/QĐ-BNV ngày 05/3/2020, do Thứ trưởng Bộ Nội vụ - Phó trưởng Ban Chỉ đạo CCHC của Chính phủ làm Chủ tịch HĐ. Thành viên là các Thứ trưởng, lãnh đạo cấp vụ, cục của các bộ, cơ quan, gồm: Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Thông tin và Truyền thông, Văn phòng Chính phủ.

³ Quy chế làm việc của HĐTĐ và Tổ thư ký giúp việc HĐTĐ được quy định tại Quyết định số 155/QĐ-BNV ngày 10/3/2020 của Bộ Nội vụ.

Trong thời gian từ tháng 3 - 4/2020, Bộ Nội vụ đã phối hợp với các thành viên HĐTĐ và Tổ Thư ký tiến hành rà soát tài liệu, thu thập thông tin quản lý để thực hiện các hoạt động thẩm định lần đầu và thẩm định lại sau khi các bộ, tỉnh bổ sung giải trình và tài liệu kiểm chứng. Quá trình triển khai, thành viên tại các bộ, cơ quan đã có nhiều nỗ lực, tận dụng tối đa thời gian làm việc, khai thác hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông để thực hiện nhiệm vụ được giao; công tác thẩm định thường xuyên có sự trao đổi, thảo luận thống nhất giữa các thành viên và cơ quan thường trực (Bộ Nội vụ) để kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, giúp đảm bảo tính khách quan, đa chiều trong đánh giá. Trên cơ sở các nội dung đã thống nhất, ngày 11/5/2021, Bộ Nội vụ tổ chức cuộc họp Hội đồng thẩm định; theo đó, 100% thành viên Hội đồng thẩm định tại các bộ, cơ quan đã thảo luận, thống nhất và cho ý kiến đồng ý thông qua kết quả Chỉ số CCHC năm 2020 của các bộ, cơ quan ngang bộ và UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

2. Công tác tổ chức điều tra xã hội học

- Tháng 10/2020, Bộ Nội vụ đã hoàn thành việc xây dựng, hoàn thiện các mẫu phiếu khảo sát từng nhóm đối tượng; cập nhật vào phần mềm quản lý chấm điểm. Tiếp theo đó, Bộ Nội vụ đã ban hành văn bản hướng dẫn triển khai công tác điều tra XHH xác định Chỉ số CCHC năm 2020; phối hợp với các bộ, tỉnh tiến hành lập danh sách chọn mẫu khảo sát chính thức, dự phòng theo từng nhóm đối tượng đã quy định; phối hợp với Tổng công ty Bưu điện Việt Nam tổ chức tập huấn nghiệp vụ điều tra XHH cho 63 Bưu điện tỉnh, thành phố.

- Số lượng mẫu và đối tượng điều tra XHH:

Tổng số phiếu khảo sát là **22.580** phiếu (chưa tính mẫu khảo sát người dân, doanh nghiệp), cụ thể:

+ Cấp bộ có **10.940** phiếu, gồm các đối tượng khảo sát: (1) Lãnh đạo cấp Vụ/Cục/Tổng cục; (2) Công chức phụ trách cải cách hành chính; (3) Lãnh đạo cấp sở tại 63 tỉnh, thành phố đánh giá về cải cách hành chính của bộ chủ quản; (4) Lãnh đạo phòng thuộc cơ quan chuyên môn cấp tỉnh của 63 tỉnh, thành phố đánh giá về cải cách hành chính của bộ chủ quản; (5) Lãnh đạo hội, hiệp hội đánh giá các Bộ quản lý nhà nước về lĩnh vực chính của hội, hiệp hội.

+ Cấp tỉnh có **11.640** phiếu, gồm các đối tượng khảo sát: (1) Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; (2) Lãnh đạo cấp sở; (3) Lãnh đạo phòng thuộc cơ quan chuyên môn cấp tỉnh; (4) Lãnh đạo cấp huyện; (5) Doanh nghiệp; (6) Người dân. Kết quả điều tra xã hội học đối với doanh nghiệp và người dân được thực hiện khảo sát riêng qua Chỉ số sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước - Chỉ số SIPAS, với số lượng phiếu khảo sát khoảng 36.600 người dân, doanh nghiệp tại 63 tỉnh, thành phố ở cả 3 cấp đơn vị hành chính.

- Tháng 11/2020, Bưu điện các tỉnh, thành phố đã hoàn thành việc phát, thu phiếu khảo sát theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ và của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam; trong quá trình phát, thu phiếu, Bộ Nội vụ đã phối hợp với Tổng công

ty Bưu điện Việt Nam theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn kịp thời, bảo đảm công tác điều tra xã hội học được thực hiện nghiêm túc, khách quan, đúng quy định. Trên cơ sở phiếu khảo sát được Tổng công ty Bưu điện Việt Nam thu về và gửi đến, Bộ Nội vụ đã tiến hành tổng hợp, nhập dữ liệu kết quả khảo sát trên phần mềm và tính điểm cho các bộ, tỉnh theo quy định tại Quyết định số 1149/QĐ-BNV.

II. KẾT QUẢ CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH - PAR INDEX 2020

Căn cứ vào kết quả Chỉ số CCHC năm 2020 đã được Hội đồng thẩm định thống nhất, thông qua, Bộ Nội vụ đã tổng hợp thành kết quả điểm và xếp hạng Chỉ số CCHC năm 2020 của các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, cụ thể như sau:

1. Kết quả PAR INDEX 2020 của các bộ, cơ quan ngang bộ

Xếp hạng	Các bộ, cơ quan ngang bộ	Điểm thẩm định	Điểm điều tra XHH	Tổng điểm đạt được	Chỉ số PAR INDEX 2020
1.	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	62.68	33.20	95.88	95.88
2.	Bộ Tài chính	62.55	32.29	94.84	94.84
3.	Bộ Tư pháp	61.38	32.65	94.02	94.02
4.	Bộ Ngoại giao	58.25	30.93	89.18	89.18
5.	Bộ Tài nguyên và Môi trường	58.32	29.93	88.25	88.25
6.	Bộ Nội vụ	58.94	27.42	86.36	86.36
7.	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	55.53	30.74	86.27	86.27
8.	Bộ Xây dựng	56.54	29.63	86.17	86.17
9.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	58.31	27.73	86.04	86.04
10.	Bộ Thông tin và Truyền thông	56.60	29.43	86.03	86.03
11.	Bộ Giao thông vận tải	57.82	28.11	85.93	85.93
12.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	55.37	30.50	85.87	85.87
13.	Bộ Công Thương	56.92	28.93	85.85	85.85
14.	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	55.13	30.44	85.57	85.57
15.	Bộ Khoa học và Công nghệ	58.94	26.22	85.15	85.15
16.	Bộ Y Tế	56.91	26.92	83.83	83.83
17.	Bộ Giáo dục và Đào tạo	55.32	27.91	83.24	83.24
Trung bình					87.56

- Kết quả Chỉ số CCHC năm 2020 các bộ cho thấy tiếp tục tập trung vào 2 nhóm điểm:

+ Nhóm thứ nhất, đạt kết quả Chỉ số CCHC trên 90%, tiếp tục là 03 đơn vị:

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Bộ Tài chính; Bộ Tư pháp;

+ Nhóm thứ hai, đạt kết quả Chỉ số CCHC từ trên 80% đến dưới 90%, gồm 14 đơn vị: Bộ Ngoại giao; Bộ Tài nguyên và Môi trường; Bộ Nội vụ; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Bộ Xây dựng; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bộ Thông tin và Truyền thông; Bộ Giao thông vận tải; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Công Thương; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Y tế và Bộ Giáo dục và Đào tạo. Không có đơn vị nào có Chỉ số CCHC dưới 80%.

Giá trị trung bình Chỉ số CCHC của 17 bộ, cơ quan ngang bộ đạt được là 87.56%, tăng 1.93% so với năm 2019 (chỉ đạt 85.63%), đồng thời tăng 12.18% so với năm 2012, năm đầu tiên sử dụng công cụ Chỉ số để đánh giá CCHC của các bộ, các tỉnh (chỉ đạt 75.38%). Chỉ số CCHC năm 2020 đạt giá trị trung bình cao nhất trong 09 năm triển khai xác định Chỉ số cải cách hành chính. Năm 2020, tiếp tục không có Bộ nào có kết quả Chỉ số CCHC dưới 80%. Tuy nhiên, chỉ có 05/17 bộ có Chỉ số CCHC năm 2020 trên mức giá trị trung bình. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đạt Chỉ số CCHC năm 2020 cao nhất ở năm thứ sáu liên tiếp với kết quả là 95.88%, cao hơn 12.64% so với Bộ Giáo dục và Đào tạo, đơn vị có kết quả Chỉ số CCHC thấp nhất với giá trị 83.24%. So sánh kết quả giữa năm 2019 và 2020 thì có 15/17 bộ đạt Chỉ số CCHC tăng cao hơn so với năm 2019, trong số đó, tăng nhiều nhất là Bộ Giao thông vận tải (+5.40%); 02 bộ có kết quả Chỉ số CCHC giảm là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (-2.19%), Bộ Giáo dục và Đào tạo (-1%).

- Phân tích giá trị trung bình của các chỉ số thành phần theo từng lĩnh vực cho thấy, có 5/7 chỉ số thành phần có giá trị trung bình tăng hơn so với năm 2019 và có 2/7 chỉ số thành phần có giá trị trung bình giảm so với năm 2019, đó là các chỉ số thành phần “Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước” và “Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức”, cụ thể:

+ Chỉ số thành phần “Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC” có giá trị tăng hơn so với năm 2019 với giá trị là 0.43% (từ 94.71% năm 2019 lên 95.14% năm 2020). Có 4/17 bộ đạt tỷ lệ 100% số điểm tại Chỉ số thành phần công tác chỉ đạo, điều hành CCHC (năm 2019 là 9/17 bộ); có 6/17 bộ đạt 100% số điểm tại tiêu chí “Thực hiện các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao trong năm”.

+ Chỉ số thành phần “Xây dựng và tổ chức thực hiện thể chế thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ” tiếp tục có giá trị trung bình thấp nhất, với giá trị trung bình 79.77%, tuy có tăng hơn so với năm 2019, tuy nhiên, giá trị tăng chỉ là 0.61% so với năm 2019.

+ Chỉ số thành phần “Cải cách TTHC” có giá trị tăng cao thứ hai trong số 07 chỉ số thành phần, tăng 5.03% so với năm 2019, đạt giá trị 89.72% ở năm 2020. Tiêu chí thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông có 17/17 bộ đạt tỷ lệ 100% điểm số.

+ Các chỉ số thành phần: “Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước”

và “Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức” có giá trị trung bình giảm so với năm 2019. Chỉ số thành phần “Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước” giảm 1.80%, từ 84.38% của năm 2019 xuống còn 82.58% năm 2020. Tương tự, Chỉ số thành phần “Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức” giảm 0.25%, từ 89.76% của năm 2019 xuống còn 89.51% năm 2020. Tỷ lệ điểm số trung bình các bộ nhận được qua điều tra xã hội học của tiêu chí “Tác động của cải cách đến quản lý công chức, viên chức” đạt 94.17% (Năm 2019 là 93.25%), tiêu chí “Tác động của cải cách đến chất lượng đội ngũ công chức của bộ” đạt 80.27% (Năm 2019 là 78.88%).

+ Chỉ số thành phần “Cải cách tài chính công” có giá trị trung bình tăng cao nhất so với năm 2019 với giá trị tăng là 7.63%, từ 80.33% năm 2019, tăng lên 87.96% năm 2020. Có 11/17 bộ đạt tỷ lệ 100% số điểm tại tiêu chí thành phần “Thực hiện quy định về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc thẩm quyền quản lý”; 08/17 bộ đạt tỷ lệ 100% điểm số của tiêu chí thành phần “Ban hành các văn bản thuộc thẩm quyền của bộ về quản lý, sử dụng tài sản công”. Tiêu chí “Thực hiện cơ chế tự chủ tại các ĐVSNCL thuộc bộ” có giá trị trung bình tăng so với năm 2019 là 10.02%, từ 80.19% năm 2019 tăng lên 90.21% năm 2020.

+ Chỉ số thành phần “Hiện đại hóa hành chính” có giá trị trung bình tăng hơn so với năm 2019, với giá trị tăng 0.90%, từ 89.64% của năm 2019 tăng lên 90.54% năm 2020. Các bộ tiếp tục đạt tỷ lệ điểm số cao tại tiêu chí “Cung cấp DVCTT” và “Ứng dụng CNTT của bộ”. Giá trị trung bình của tiêu chí “Tác động của cải cách đến hiện đại hóa hành chính” qua điều tra xã hội học là 87.28%, cao hơn so với năm 2019 với giá trị là 87%.

2. Kết quả PAR INDEX 2020 các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Xếp hạng	Tỉnh, thành phố	Điểm thẩm định	Điểm đánh giá tác động của CCHC			Tổng điểm đạt được	Chỉ số tổng hợp (Par Index 2020)
			Chỉ số SIPAS	Khảo sát Lãnh đạo quản lý	Tác động đến PT KT-XH		
1	Quảng Ninh	57.66	9.56	18.83	5.00	91.04	91.04
2	Hải Phòng	58.71	9.35	19.45	3.00	90.51	90.51
3	Thừa Thiên Huế	56.78	8.57	20.11	3.01	88.47	88.47
4	Bình Dương	55.48	8.82	20.27	2.36	86.93	86.93
5	Đồng Tháp	55.94	8.89	20.09	1.84	86.77	86.77
6	Đà Nẵng	58.01	8.24	18.31	2.00	86.56	86.56
7	Long An	56.52	8.62	18.11	3.00	86.25	86.25
8	Hà Nội	55.79	8.50	20.28	1.50	86.07	86.07
9	Bà Rịa - Vũng Tàu	56.23	8.40	18.25	3.14	86.02	86.02
10	Phú Thọ	53.99	8.81	18.17	4.76	85.74	85.74
11	Ninh Bình	55.95	8.82	18.38	2.50	85.65	85.65
12	Thái Nguyên	54.89	8.66	19.07	3.00	85.61	85.61
13	Bắc Giang	53.93	9.29	19.36	3.00	85.58	85.58
14	Lào Cai	56.03	7.94	18.09	3.50	85.55	85.55
15	Vĩnh Phúc	55.53	9.04	19.09	1.76	85.41	85.41
16	Hà Tĩnh	55.77	8.92	17.62	3.00	85.31	85.31

Xếp hạng	Tỉnh, thành phố	Điểm thẩm định	Điểm đánh giá tác động của CCHC			Tổng điểm đạt được	Chỉ số tổng hợp (Par Index 2020)
			Chỉ số SIPAS	Khảo sát Lãnh đạo quản lý	Tác động đến PT KT-XH		
17	Bắc Ninh	55.12	8.96	18.13	3.08	85.30	85.30
18	Nghệ An	54.43	8.23	18.16	4.46	85.28	85.28
19	Sóc Trăng	54.40	8.80	19.00	3.00	85.19	85.19
20	Sơn La	50.71	8.98	20.15	5.00	84.84	84.84
21	Gia Lai	54.36	8.64	18.56	3.25	84.81	84.81
22	Hưng Yên	54.43	9.16	18.22	3.00	84.80	84.80
23	TP. Hồ Chí Minh	56.09	8.36	20.26	0.00	84.70	84.70 ⁴
24	Yên Bái	54.35	8.88	18.33	3.14	84.70	84.70 ⁵
25	Điện Biên	54.95	8.64	19.09	2.00	84.69	84.69
26	An Giang	54.59	8.25	18.83	3.00	84.67	84.67
27	Tây Ninh	56.08	8.36	16.67	3.48	84.59	84.59
28	Hậu Giang	52.70	7.92	20.39	3.50	84.51	84.51
29	Thanh Hóa	53.25	8.87	18.88	3.33	84.33	84.33
30	Hải Dương	55.45	9.22	18.61	1.02	84.30	84.30
31	Bình Định	53.17	8.60	18.20	4.00	83.97	83.97
32	Lâm Đồng	53.82	8.63	17.56	3.92	83.93	83.93
33	Hà Giang	54.14	8.77	18.96	2.00	83.87	83.87
34	Đồng Nai	54.98	8.86	17.27	2.71	83.82	83.82
35	Tuyên Quang	55.32	8.12	18.79	1.59	83.81	83.81
36	Lạng Sơn	53.21	8.34	18.78	3.48	83.80	83.80
37	Cần Thơ	56.29	8.32	17.65	1.50	83.76	83.76
38	Lai Châu	53.05	8.43	17.73	4.50	83.72	83.72
39	Quảng Trị	53.19	8.36	18.09	4.00	83.64	83.64
40	Bình Phước	53.88	7.92	17.78	4.00	83.58	83.58
41	Cà Mau	53.17	8.91	17.88	3.50	83.46	83.46 ⁶
42	Quảng Nam	56.67	8.06	18.73	0.00	83.46	83.46 ⁷
43	Hà Nam	51.88	8.83	19.54	3.20	83.45	83.45
44	Bến Tre	53.04	8.82	18.01	3.41	83.28	83.28
45	Đắk Lắk	54.53	7.71	16.98	4.00	83.22	83.22
46	Bạc Liêu	53.27	8.36	18.44	3.10	83.17	83.17
47	Nam Định	54.59	8.19	18.64	1.15	82.57	82.57 ⁸
48	Khánh Hòa	55.20	8.13	16.99	2.25	82.57	82.57 ⁹
49	Kon Tum	52.97	8.60	17.78	3.00	82.34	82.34
50	Quảng Bình	52.99	7.83	18.16	3.35	82.33	82.33
51	Đắk Nông	53.44	8.45	16.66	3.50	82.05	82.05
52	Trà Vinh	52.05	8.97	17.93	3.00	81.96	81.96
53	Hòa Bình	54.94	7.98	17.42	1.31	81.66	81.66
54	Thái Bình	53.63	8.42	18.41	1.00	81.46	81.46
55	Bình Thuận	54.85	7.63	17.93	1.00	81.40	81.40
56	Cao Bằng	54.37	7.88	16.81	2.00	81.07	81.07

⁴ Giá trị tuyệt đối của Thành phố Hồ Chí Minh là 84.70232.

⁵ Giá trị tuyệt đối của tỉnh Yên Bái là 84.69989.

⁶ Giá trị tuyệt đối của tỉnh Cà Mau là 83.46215.

⁷ Giá trị tuyệt đối của tỉnh Quảng Nam là 83.46008.

⁸ Giá trị tuyệt đối của tỉnh Nam Định là 82.57152.

⁹ Giá trị tuyệt đối của tỉnh Khánh Hòa là 82.57084.

Xếp hạng	Tỉnh, thành phố	Điểm thẩm định	Điểm đánh giá tác động của CCHC			Tổng điểm đạt được	Chỉ số tổng hợp (Par Index 2020)
			Chỉ số SIPAS	Khảo sát Lãnh đạo quản lý	Tác động đến PT KT-XH		
57	Tiền Giang	51.75	8.27	17.85	3.02	80.89	80.89
58	Vĩnh Long	52.24	8.38	17.86	2.34	80.82	80.82
59	Bắc Kạn	50.01	8.82	17.74	2.00	78.57	78.57
60	Ninh Thuận	47.18	8.52	18.79	3.50	78.00	78.00
61	Kiên Giang	50.65	7.96	17.62	1.68	77.91	77.91
62	Phú Yên	48.39	8.03	16.25	0.75	73.43	73.43
63	Quảng Ngãi	49.95	7.94	15.35	0.00	73.25	73.25
Trung bình		54.14	8.52	18.34	2.72	83.72	83.72

- Kết quả Chỉ số CCHC 2020 của các tỉnh, thành phố được phân theo 3 nhóm như sau:

+ Nhóm A, đạt kết quả Chỉ số từ 90% trở lên, gồm 02 tỉnh, thành phố (Quảng Ninh, Hải Phòng)

+ Nhóm B, đạt kết quả Chỉ số từ 80% - dưới 90%, gồm 56 tỉnh, thành phố.

+ Nhóm C, đạt kết quả Chỉ số từ 70% - dưới 80%, gồm 05 tỉnh, thành phố.

Theo đánh giá, Chỉ số CCHC 2020 của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có kết quả đạt giá trị trung bình là 83.72%, cao hơn 2.57% so với giá trị trung bình năm 2019 (đạt 81.15%) và đạt giá trị cao nhất trong 5 năm gần đây. So sánh kết quả của 63 địa phương cho thấy, có 38 đơn vị đạt Chỉ số CCHC cao hơn giá trị trung bình của cả nước. Đáng chú ý, năm 2020 có 58 địa phương đạt Chỉ số CCHC trên 80%, trong khi đó, năm 2019 chỉ có 44 đơn vị và năm 2018 chỉ có 09 đơn vị thuộc nhóm này; không có địa phương nào đạt kết quả dưới 70%. Kết quả Chỉ số CCHC của các địa phương có nhiều khởi sắc với 58 tỉnh, thành phố có kết quả Chỉ số tăng cao hơn so với năm 2019. Địa phương tăng điểm cao nhất là Bến Tre (+9.42%), tăng thấp nhất là Thái Bình (+0.70%). Mặc dù vậy, vẫn còn 05 địa phương có kết quả Chỉ số CCHC giảm so với năm 2019 là Phú Yên, Quảng Ngãi, Ninh Thuận, Bắc Kạn, Kiên Giang, trong đó, đơn vị giảm nhiều nhất là Phú Yên (-3.94%).

Về xếp hạng Chỉ số CCHC 2020: Quảng Ninh tiếp tục là địa phương xếp vị trí thứ nhất bảng xếp hạng Chỉ số CCHC năm 2020 với kết quả đạt 91.04%, cao hơn 0.53% so với đơn vị xếp vị trí thứ 2 là Hải Phòng, đạt 90.51%. Tỉnh Quảng Ngãi là địa phương đứng cuối bảng xếp hạng Chỉ số CCHC năm 2020, với kết quả đạt 73.25%. Theo thống kê, trong 8 chỉ số thành phần đánh giá thì có đến 6 chỉ số thành phần Quảng Ngãi nằm trong nhóm 5 địa phương thấp nhất cả nước.

- So sánh giá trị trung bình Chỉ số CCHC giữa các vùng kinh tế: Trong năm 2020, cả 6 vùng kinh tế đều có giá trị trung bình Chỉ số CCHC tăng cao hơn so với năm 2019 và đều đạt giá trị trên 80%. Giá trị trung bình cao nhất là vùng kinh tế Đông Nam Bộ với kết quả đạt 85.88%; tiếp theo là khu vực Đồng bằng sông Hồng, đạt 85.51%. Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung là vùng kinh tế

đạt giá trị thấp nhất, với kết quả là 81.41%. So sánh sự tăng trưởng giữa các vùng kinh tế thì Đông Nam Bộ cũng là vùng có sự tăng trưởng cao nhất trong năm 2020, giá trị trung bình cao hơn 3.86% so với năm 2019. Khu vực Tây Nguyên đã có sự tăng trưởng đáng kể, giá trị trung bình khu vực này đạt 82.20% cao hơn 2.57% so với năm 2019 nhờ sự bứt phá cả về điểm số và thứ hạng của các địa phương thuộc khu vực này. Bắc Trung Bộ và Duyên hải Miền Trung có giá trị tăng trưởng thấp nhất so với 5 vùng kinh tế còn lại, chỉ cao hơn 0.63% so với năm 2019.

- Phân tích các chỉ số thành phần, cho thấy: Giá trị trung bình của các chỉ số thành phần đều có sự cải thiện đáng kể; có 7/8 chỉ số thành phần đạt giá trị trung bình tăng cao hơn so với năm 2019. Đáng chú ý, năm 2020 có 6/8 chỉ số thành phần đạt giá trị trung bình trên 80%, trong khi đó năm 2019 có 5 chỉ số thành phần và năm 2018 có 3 chỉ số thành phần thuộc nhóm này.

+ Chỉ số thành phần “Cải cách TTHC” đạt giá trị trung bình xếp thứ nhất, với kết quả là 94.11%. Xếp thứ 2 là Chỉ số thành phần “Chỉ đạo điều hành CCHC”, đạt 89.71%, cao hơn 6.07% so với năm 2019. Tiếp theo là Chỉ số thành phần “Xây dựng và tổ chức thực hiện VBQPPL của tỉnh”, đạt giá trị trung bình là 87.82%. Chỉ số thành phần “Hiện đại hóa hành chính” năm 2020 tiếp tục có nhiều cải thiện, cả về thứ hạng và điểm số, đạt 85.15%, cao hơn 5.04% so với năm 2019, xếp vị trí thứ 4/8 chỉ số thành phần (năm 2019 xếp vị trí thứ 5/8). Kết quả trên cũng phản ánh đúng thực tế khi năm 2020, vấn đề về xây dựng Chính phủ điện tử, chính quyền thông minh đã được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quan tâm chỉ đạo rất quyết liệt. Đứng ở vị trí thứ 5 là Chỉ số thành phần “Xây dựng và nâng cao chất lượng CBCCVC”, đạt 85.10%. Đáng chú ý, Chỉ số thành phần “Cải cách tổ chức bộ máy hành chính” xếp vị trí thứ 6 nhưng lại là chỉ số có sự tăng trưởng lớn nhất, đạt 84.41%, cao hơn 8.12% so với năm 2019.

+ Xếp vị trí thứ 7 là Chỉ số thành phần “Cải cách tài chính công”, đạt 78.34%. Mặc dù cũng có cải thiện đáng kể về điểm số, thể hiện ở mức tăng trưởng cao hơn 3.85% so với năm 2019. Tuy nhiên, chỉ số này còn khá thấp so với các nội dung đánh giá còn lại, trong 3 năm liên tiếp đều có giá trị trung bình đạt dưới 80%.

+ Chỉ số thành phần duy nhất có giá trị trung bình giảm là “Đánh giá tác động của CCHC đến người dân, tổ chức và các chỉ tiêu phát triển KT - XH tại địa phương”, đạt 70.25%, thấp hơn 7.64% so với năm 2019. Đây cũng là chỉ số thành phần có giá trị trung bình thấp nhất trong 8 Chỉ số thành phần.

III. KẾT LUẬN

1. Nhận xét đánh giá chung

1.1. Những kết quả đạt được

Năm 2020, Chính phủ và các bộ, ngành, địa phương đã có nhiều nỗ lực, đổi mới và sáng tạo trong chỉ đạo, triển khai các nhiệm vụ CCHC nhằm kịp thời ứng phó với những khó khăn, thách thức và những ảnh hưởng nghiêm trọng do đại dịch Covid-19 gây ra, góp phần thực hiện thành công “mục tiêu kép” là vừa

phòng, chống dịch và phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo trật tự an toàn xã hội trong tình hình mới.

Chính phủ đã ban hành và chỉ đạo thực hiện nhiều chính sách, giải pháp cấp bách để kịp thời tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, cải thiện môi trường đầu tư; thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công; đổi mới phương thức làm việc của cơ quan hành chính nhà nước, tăng cường giải quyết hồ sơ, xử lý công việc trên môi trường điện tử; đẩy mạnh giải quyết hồ sơ TTHC trực tuyến, tạo thuận lợi tối đa cho người dân, doanh nghiệp, nhất là những đối tượng chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi dịch bệnh Covid-19. Các địa phương đã triển khai nhiều biện pháp cụ thể, sáng tạo để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ CCHC được giao, phù hợp với đặc điểm, tình hình thực tiễn tại địa phương, giúp kết quả CCHC trong năm 2020 có nhiều chuyển biến rõ nét.

Hệ thống tiêu chí đánh giá xác định Chỉ số CCHC thường xuyên được nghiên cứu, Các tiêu chí đánh giá xác định Chỉ số CCHC tiếp tục được nghiên cứu, chỉnh sửa và hoàn thiện cả về nội dung, phương pháp đánh giá và phương thức triển khai thực hiện cho phù hợp với thực tiễn và các quy định mới, giúp nâng cao tính khách quan, khoa học và chính xác trong đánh giá, xếp hạng kết quả Chỉ số CCHC của các bộ, ngành, địa phương. Công tác điều tra xã hội học phục vụ xác định Chỉ số CCHC được tổ chức ngày càng chuyên nghiệp, hiệu quả với đội ngũ điều tra viên có năng lực và thường xuyên được đào tạo, tập huấn chuyên môn. Hệ thống các câu hỏi, phiếu hỏi thường xuyên được rà soát, cập nhật cho phù hợp với thực tiễn và nội dung đánh giá của các tiêu chí. Các đối tượng khảo sát được lựa chọn có sự đa dạng, tập trung vào những đối tượng chịu tác động trực tiếp của các chính sách CCHC, giúp thu thập được nhiều thông tin hữu ích và phản ánh khá chính xác thực trạng CCHC đang diễn ra tại bộ, ngành, địa phương. Công tác tổ chức điều tra xã hội học tiếp tục được thực hiện bởi một tổ chức độc lập là Tổng công ty Bưu điện Việt Nam, cùng với sự tham gia giám sát, phúc tra đa chiều của các cơ quan, tổ chức, như: Bộ Nội vụ, Sở Nội vụ và các tổ chức chính trị - xã hội (Trung ương Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam), giúp nâng cao tính khách quan, chính xác.

Kết quả Chỉ số CCHC hàng năm đã trở thành công cụ quản lý quan trọng, phục vụ có hiệu quả trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của người đứng đầu các bộ, ngành, địa phương và các cơ quan, đơn vị; giúp xác định rõ ưu điểm, khuyết điểm trong thực hiện nhiệm vụ CCHC; thông qua kết quả đánh giá đã chỉ rõ được trách nhiệm cụ thể của từng cá nhân, tổ chức đối với từng nhiệm vụ CCHC, làm cơ sở cho việc đánh giá mức độ thực hiện chức năng, nhiệm vụ của tổ chức và mức độ, hiệu quả thực thi công vụ của công chức, viên chức.

1.2. Một số tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Qua triển khai đánh giá, xác định Chỉ số CCHC, vẫn còn tồn tại một số ít các bộ, địa phương chưa thực hiện tốt việc tự đánh giá, chấm điểm; kết quả tự chấm điểm chưa đầy đủ tài liệu kiểm chứng, số liệu đánh giá chưa đúng với thực trạng tại bộ, tỉnh. Một trong những nguyên nhân chính là do một số địa phương chưa quan tâm đúng mức đến công tác triển khai các hoạt động theo dõi, đánh

giá; sự phối hợp giữa các sở, ngành liên quan tại địa phương chưa thực sự hiệu quả; số liệu tổng hợp không có sự liên thông, thiếu thống nhất.

- Qua xác định Chỉ số CCHC năm 2020 đã chỉ ra cụ thể những tồn tại, hạn chế trong công tác cải cách hành chính của các bộ, các tỉnh đó là:

+ Công tác cải cách thể chế còn một số hạn chế, bất cập, tiếp tục có giá trị trung bình thấp nhất trong 7 lĩnh vực đánh giá; năm 2020 còn một số bộ chưa hoàn thành chương trình xây dựng pháp luật đã được phê duyệt. Một số bộ vẫn còn tình trạng trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ TTHC; kết quả điểm khảo sát các đối tượng đánh giá chất lượng TTHC thuộc phạm vi quản lý của một số bộ chưa cao. Công dịch vụ công của một số bộ chưa đáp ứng yêu cầu về chức năng kỹ thuật theo quy định. Sắp xếp, kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của các đơn vị trực thuộc; ban hành văn bản hướng dẫn về vị trí việc làm và định mức biên chế công chức theo quy định; ban hành văn bản để hoàn thiện quy định về vị trí việc làm của cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý chưa đạt yêu cầu. Bên cạnh đó, vẫn còn một số bộ chưa đạt kết quả cao trong việc thực hiện các quy định của Chính phủ về tổ chức bộ máy; về cơ cấu số lượng lãnh đạo tại các đơn vị thuộc bộ; về tuyển dụng công chức, viên chức. Một số bộ còn những hạn chế nhất định trong việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức.

+ Đối với các địa phương: Về công tác chỉ đạo điều hành CCHC, một số địa phương xây dựng, ban hành Kế hoạch CCHC năm chưa sát với thực tiễn, đặt mục tiêu, nhiệm vụ quá cao, không bố trí đủ nguồn lực để thực hiện dẫn đến vẫn còn những mục tiêu, nhiệm vụ không hoàn thành hoặc thực hiện còn hình thức, chưa đáp ứng yêu cầu đề ra; công tác kiểm tra đã có nhiều đổi mới tích cực, nhưng vẫn còn một số địa phương thực hiện chưa đạt hiệu quả cao, chưa xử lý dứt điểm các tồn tại, hạn chế phát hiện qua kiểm tra CCHC; vẫn còn một số địa phương chưa hoàn thành các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao trong năm 2020 hoặc hoàn thành nhưng chưa đảm bảo tiến độ, chất lượng theo quy định. Về cải cách thể chế, tình trạng chậm xử lý các văn bản trái pháp luật vẫn còn chậm trễ ở một số địa phương; qua khảo sát cho thấy, tính khả thi và tính kịp thời trong xử lý vướng mắc, bất cập khi tổ chức triển khai các văn bản pháp luật vẫn là những vấn đề có tỷ lệ điểm đánh giá khá thấp so với các nội dung khác. Về cải cách TTHC, vẫn tồn tại tình trạng chậm công bố, công khai và cập nhật TTHC tại một số địa phương; thậm chí, một số tỉnh, thành phố vẫn còn công khai các quy định TTHC tại văn bản đã hết hiệu lực thi hành, ít nhiều đã gây khó khăn cho người dân, doanh nghiệp khi tra cứu tìm hiểu và thực hiện TTHC; khá nhiều nơi chưa thực hiện tốt việc công khai kết quả giải quyết hồ sơ TTHC trên các trang thông tin điện tử; tình trạng trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ vẫn còn tồn tại ở cả 3 cấp chính quyền tại hầu hết các địa phương và kéo dài trong nhiều năm, nhất là các lĩnh vực về đất đai, xây dựng, chính sách người có công,... Về cải cách tổ chức bộ máy, một số tỉnh, thành phố triển khai sắp xếp, tổ chức lại bộ máy các cơ quan, đơn vị trực thuộc sở, ngành, huyện theo các quy định mới của Chính phủ còn khá chậm, chưa đáp ứng yêu cầu đề ra; phòng chuyên môn trực thuộc sở, ngành và phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện tại một số địa phương có cơ

cầu số lượng lãnh đạo chưa hợp lý, còn tình trạng số lượng công chức giữa chức vụ lãnh đạo nhiều hơn số lượng công chức không giữ chức vụ lãnh đạo; tỷ lệ giảm biên chế ở một số địa phương còn thấp, chưa đạt yêu cầu đề ra. Về xây dựng và nâng cao chất lượng CBCCVC, vẫn còn một số nơi bố trí công chức, viên chức không đúng với điều kiện, tiêu chuẩn tại vị trí việc làm đã phê duyệt; một số tỉnh, thành phố vẫn còn để xảy ra sai phạm trong tổ chức tuyển dụng, bổ nhiệm công chức và đã bị xử lý theo quy định. Về cải cách tài chính công, năm 2020, còn khá nhiều địa phương không hoàn thành giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước; tình trạng sai phạm trong quản lý, sử dụng tài chính ngân sách vẫn còn xảy ra ở một số nơi, đã được cơ quan có thẩm quyền kết luận và kiến nghị xử lý; việc thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp còn nhiều vướng mắc, kết quả đạt được còn chậm so với tiến độ đề ra. Về hiện đại hóa hành chính, một số tỉnh, thành phố có Công dịch vụ công chưa đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định. Kết quả thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến còn ở mức khiêm tốn; tỷ lệ TTHC có phát sinh hồ sơ trực tuyến, đạt tỷ lệ 34.20%; tỷ lệ số hồ sơ được xử lý trực tuyến mức độ 3 và 4 đạt bình quân 23.03% so với tổng số hồ sơ đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến) của các TTHC thuộc phạm vi đánh giá.

2. Kiến nghị, đề xuất

2.1 Với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ

- Chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương rà soát, ban hành Chương trình, Kế hoạch và các giải pháp cụ thể để tổ chức triển khai có hiệu quả công tác CCHC thuộc phạm vi, địa bàn quản lý. Trong năm 2021, tập trung ưu tiên nguồn lực để thực hiện một số giải pháp cấp bách hỗ trợ người dân, doanh nghiệp vượt qua khó khăn, thách thức nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực của đại dịch Covid-19 và sớm phục hồi các hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương thường xuyên rà soát, tăng cường đổi mới, sáng tạo và mạnh dạn triển khai thí điểm, nhân rộng các mô hình cải cách mới, có tính đột phá để kịp thời tháo gỡ rào cản thể chế, cơ chế, chính sách, giúp phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, thúc đẩy phát triển kinh tế.

- Chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương nghiên cứu, sử dụng có hiệu quả kết quả Chỉ số CCHC hàng năm trong công tác quản lý, điều hành và theo dõi, đánh giá và kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ CCHC của các cơ quan, đơn vị trực thuộc; quan tâm và có biện pháp cụ thể để khắc phục những hạn chế, yếu kém trong công tác CCHC, nhất là những hạn chế, bất cập diễn ra trong thời gian dài.

- Chỉ đạo các cơ quan thông tin, truyền thông tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về mục tiêu, ý nghĩa, nội dung và kết quả CCHC tại các bộ, ngành, địa phương, nhất là các gương sáng điển hình, mô hình cải cách mới hay những giải pháp, sáng kiến cải cách có tính đột phá, mang lại hiệu quả thiết thực.

2.2. Với các bộ, ngành và địa phương

Trên cơ sở kết quả Chỉ số CCHC năm 2020 đã công bố, các bộ, tỉnh sớm tổ chức hội nghị rà soát, phân tích và đánh giá, rút kinh nghiệm về quá trình triển

khai và kết quả Chỉ số CCHC năm 2020 theo từng lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần. Xác định rõ những tồn tại, hạn chế, ban hành các biện pháp khắc phục và nâng cao hiệu quả CCHC, năm 2021 cần tập trung thực hiện tốt các nhiệm vụ trọng tâm sau:

- Chủ động, tích cực đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo điều hành thực hiện nhiệm vụ CCHC tại các cơ quan, đơn vị; bảo đảm hoàn thành tốt các chỉ tiêu, nhiệm vụ CCHC đã đề ra trong Kế hoạch năm; thường xuyên theo dõi, đánh giá, quán triệt việc thực hiện các nhiệm vụ CCHC để kịp thời phát hiện và chỉ đạo xử lý những hạn chế, vướng mắc trong quá trình triển khai và phối hợp thực hiện giữa các cơ quan, đơn vị.

- Quan tâm bố trí đủ nguồn lực để triển khai các nhiệm vụ CCHC; chủ động nghiên cứu, thí điểm hoặc nhân rộng các mô hình cải cách mới có hiệu quả, phù hợp với phạm vi, thẩm quyền được giao và các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về CCHC.

- Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật theo hướng nâng cao tính đồng bộ, tính thống nhất và bảo đảm tính khả thi của các VBQPPL. Có giải pháp nâng cao hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và tổ chức thực thi pháp luật nghiêm minh. Tăng cường các biện pháp hiệu quả để đẩy nhanh tiến độ xây dựng, ban hành các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành các Luật, Pháp lệnh đã được cơ quan có thẩm quyền thông qua.

- Tăng cường rà soát, cắt giảm và đơn giản hóa TTHC một cách hiệu quả, thực chất; kiểm soát chặt chẽ việc ban hành TTHC mới, đảm bảo đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện. Kịp thời công bố, công khai và cập nhật TTHC trên Cổng dịch công, Trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị và tại nơi tiếp nhận hồ sơ, giải quyết TTHC. Khắc phục ngay tình trạng niêm yết, đăng tải công khai các mẫu đơn, tờ khai hoặc các quy định TTHC đã hết hiệu lực thi hành, gây khó khăn cho người dân, tổ chức khi tra cứu và thực hiện TTHC. Tổ chức thực hiện tốt việc giải quyết hồ sơ TTHC cho người dân, tổ chức, hướng đến giảm tỷ lệ hồ sơ trễ hạn, giảm thời gian đi lại và nâng cao sự hài lòng. Tăng cường kiểm tra, giám sát, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm những trường hợp yêu cầu người dân, tổ chức nộp thêm các giấy tờ ngoài quy định khi giải quyết TTHC. Tiếp tục đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính theo hướng không phụ thuộc vào địa giới hành chính, gắn với số hóa và sử dụng kết quả số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính; kịp thời giải quyết các PAKN về các quy định TTHC, tránh gây bức xúc, tạo dư luận không tốt trong nhân dân.

- Tăng cường rà soát, sắp xếp, tổ chức lại bộ máy các cơ quan hành chính, các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc theo các nghị định của Chính phủ đã ban hành trong năm 2020, đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng theo quy định. Tổ chức thực hiện tốt việc thí điểm các mô hình tổ chức bộ máy theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền, chủ động nghiên cứu đánh giá, đề xuất các giải pháp nâng cao cải cách tổ chức bộ máy trên cơ sở kết quả thực hiện thí điểm. Tăng cường phân cấp, giao quyền để giải phóng nguồn lực, đất đai, tài nguyên phục

vụ cho phát triển, đảm bảo phù hợp với năng lực quản lý, điều hành của các cấp, các ngành và gắn kết chặt chẽ với thực hiện các chính sách tinh giản biên chế.

- Các bộ, cơ quan ngang bộ khẩn trương hoàn thiện ban hành các văn bản hướng dẫn về vị trí việc làm và định mức biên chế công chức theo quy định của Chính phủ. Các bộ, ngành, địa phương thường xuyên rà soát, hoàn thiện các nội dung về vị trí việc làm của công chức, viên chức sau khi thực hiện cắt giảm, sắp xếp lại tổ chức bộ máy; siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính trong thực thi nhiệm vụ, công vụ. Hoàn thiện, ban hành chế độ tiền lương mới đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang. Thực hiện tuyển dụng, luân chuyển, tiếp nhận và bổ nhiệm công chức, viên chức đúng với năng lực, tiêu chuẩn của vị trí việc làm đã được phê duyệt. Thực hiện có hiệu quả việc thí điểm đổi mới cách tuyển chọn lãnh đạo, quản lý cấp vụ, cấp sở, cấp phòng theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

- Tiếp tục hoàn thiện các quy định về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; hoàn thiện cơ chế chính sách để chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần, bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả, tối đa hóa lợi ích của Nhà nước. Các bộ, ngành, địa phương triển khai đồng bộ các giải pháp để đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công, đảm bảo tiến độ theo kế hoạch đã phê duyệt. Tăng cường thanh tra, kiểm tra kịp thời chấn chỉnh, xử lý những trường hợp sai phạm trong quản lý, sử dụng kinh phí nguồn từ ngân sách nhà nước.

- Các bộ, ngành, địa phương ưu tiên nguồn lực, tập trung triển khai có hiệu quả các nhóm nhiệm vụ về xây dựng, phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số: Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin nhằm đổi mới căn bản phương thức làm việc của các cơ quan nhà nước, đảm bảo nâng cao năng suất, hiệu quả hoạt động của các cơ quan, đơn vị. Đẩy nhanh tiến độ việc xây dựng và triển khai có hiệu quả các cơ sở dữ liệu nền tảng, phục vụ phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số. Tổ chức vận hành có hiệu quả Cổng dịch vụ công quốc gia và Cổng dịch vụ công của các bộ, tỉnh; đồng thời, quan tâm đầu tư, nâng cấp các chức năng, tiện ích mới của Cổng dịch vụ công nhằm tạo thuận lợi tối đa cho người dân, doanh nghiệp trong quá trình tiếp cận thông tin, giải quyết hồ sơ trực tuyến.

- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền CCHC, nâng cao nhận thức, vai trò trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và sự đồng thuận xã hội về thực hiện công tác CCHC. Kịp thời phát hiện, nhân rộng các mô hình, sáng kiến trong CCHC; biểu dương, khen thưởng kịp thời các tập thể, cá nhân điển hình làm tốt công tác CCHC tại các bộ, ngành, địa phương.